TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 01 - 2026
"Về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Ca và bà Nguyễn Thị Mai.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 270/2025/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2025/QĐST - HNGĐ ngày 23/12/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Vân A, sinh năm 1999; số căn cước công dân: 030199005707; Nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố P, phường N, thành phố Hải Phòng; Nơi đăng ký tạm trú: Số 139 N, thôn 6, phường 2 B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1994; số căn cước công dân: 030094001752; địa chỉ: Tổ dân phố V1, phường T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Trần Thị Vân A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu N kết hôn với nhau ngày 18/7/2022, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống với nhau tại khu dân cư V1, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là tổ dân phố V1, phường T, thành phố Hải Phòng). Anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N không chịu khó làm ăn, vợ chồng hay xảy ra cãi vã về mọi công việc trong gia đình, không bên nào chịu nhường nhịn bên nào và không có sự chia sẻ thông

cảm với nhau. Từ đó tình cảm vợ chồng chị ngày càng phai nhạt. Đến cuối năm 2023 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng anh chị không khắc phục được mâu thuẫn, vợ chồng ly thân, chị về sống tại khu dân cư P, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là tổ dân phố P, phường N, thành phố Hải Phòng) cùng bố mẹ đẻ, đến tháng 10/2024 chị đến tỉnh Lâm Đồng sống và làm việc. Trong thời gian ly thân, anh chị không quan tâm, không liên lạc với nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng chị đã hoàn toàn hết nên chị giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh N.

Về quan hệ con chung: Chị và anh N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Nguyễn Hữu N đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến làm việc và được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N vẫn không đến Tòa án làm việc.

- *Theo công văn số 3885/PA08-Đ1 ngày 19/11/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng thể hiện*: Qua kiểm tra trong cơ sở dữ liệu hiện hành không thấy thông tin xuất nhập cảnh của anh N.

- *Theo xác minh tại Công an phường T, thành phố Hải Phòng:* Anh Nguyễn Hữu N, sinh ngày 23/10/1994; số căn cước công dân: 030094001752; nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ dân phố V1, phường T, thành phố Hải Phòng.

- *Theo xác minh tại tổ dân phố V1, phường T, thành phố Hải Phòng*: Sau khi kết hôn, chị Vân A và anh N về chung sống với nhau và sống cùng gia đình anh N ở tổ dân phố V1, phường T, thành phố Hải Phòng. Theo phản ánh của dư luận địa phương thì trong quá trình chung sống chị Vân A và anh N hay xảy ra cãi vã. Hiện nay anh N đang sống tại địa phương cùng mẹ đẻ là bà Đồng Thị S còn chị Vân A không sống tại địa phương.

- *Theo bà Đồng Thị S là mẹ đẻ của anh N trình bày*: Sau khi kết hôn với nhau, anh N và chị Vân A sống cùng gia đình bà tại địa phương. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do tính tình không hợp. Bà đã nhiều lần hòa giải nhưng anh chị không khắc phục được mâu thuẫn. Đến khi chị Vân A bỏ đi thì bà có khuyên bảo anh N tìm đón chị Vân A về đoàn tụ nhưng anh N không đồng ý. Anh N và chị Vân A không có con chung, không có tài sản chung. Anh N hiện đang sống cùng với bà tại địa phương, công việc của anh N là lao động tự do, đi làm từ sáng đến tối mới về nhà. Bà đã giao lại cho anh N các văn bản của Tòa án nhưng anh N nói rằng công việc của anh bận nên không đến Tòa án làm việc được, bản thân anh không thể chung sống cùng chị Vân A được nữa và cũng mong muốn được ly hôn chị Vân A.

- *Tại phiên tòa:*

Chị Trần Thị Vân A vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Hữu N vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị Vân A, cho chị Trần Thị Vân A được ly hôn anh Nguyễn Hữu N. Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Vân A và anh Nguyễn Hữu N không có con chung nên không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Trần Thị Vân A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án thụ lý vụ án về "*Ly hôn*", bị đơn là anh Nguyễn Hữu Nghĩa hiện đang đăng ký thường trú và sinh sống tại: Tổ dân phố Vĩnh Đại 1, phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản, Luật hòa giải – đối thoại Tòa án số 85/20025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân.

Nguyên đơn là chị Trần Thị Vân A vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Hữu N 02 lần vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Vân A và anh N.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vân A và anh N kết hôn với nhau ngày 18/7/2022 trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng), nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống giữa chị Vân A và anh N có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, cãi vã, không có sự thông cảm và chia sẻ với nhau. Đến cuối năm 2023 anh chị mâu

thuẫn trầm trọng và ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Chị Vân A giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh N, còn anh N không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gửi cho Tòa án mặc dù đã nhiều lần được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Việc anh chị không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; không sống chung với nhau đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Vân A được ly hôn anh N.

Về quan hệ con chung: Chị Vân A và anh N không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Chị Vân A không yêu cầu Toà án giải quyết, anh N không có ý kiến nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Vân Anh là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản, Luật hòa giải – đối thoại Tòa án số 85/20025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị Vân A, cho chị Trần Thị Vân A được ly hôn anh Nguyễn Hữu N.

- Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Vân A và anh Nguyễn Hữu N không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Vân A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Vân A đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E số:

0003993 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Vân A đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 9 - Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- UBND phường T, thành phố Hải Phòng (ghi sổ hộ tịch số 84 ngày 18/7/2022 của UBND phường V, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Hậu